

Số: 32/2026/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 09 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức
khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ
chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5
năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong
xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 7298/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lai Châu về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tổng mức
chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây
dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm
tra số 742/BC-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi; danh
mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn
bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động
và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm: Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Tổng mức chi đối với ban hành mới hoặc ban hành văn bản thay thế văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: 150.000.000 đồng/văn bản.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên: 100.000.000 đồng/văn bản.

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 50.000.000 đồng/văn bản.

d) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30.000.000 đồng/văn bản.

đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10.000.000 đồng/văn bản.

e) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8.000.000 đồng/văn bản.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng 100% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này; bằng 100% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này để ban hành quy định, quy chế áp dụng tại cơ quan, đơn vị mình bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không vượt tổng mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động được giao quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng mức chi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Trường hợp một nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm đồng thời được thanh toán theo quy định tại các văn bản khác nhau của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan, đơn vị, cá nhân được thanh toán theo quy định tại văn bản có quy định mức chi cao nhất.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.
2. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
3. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa thanh toán thì việc chi trả, thanh toán, quyết toán thực hiện theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Minh Ngân

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHÓM NHIỆM VỤ,
HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Danh mục nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm	Mức khoán chi (Đơn vị tính: Đồng)					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã
A	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT <i>(Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị xây dựng dự toán và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí)</i> Bao gồm các nhiệm vụ, hoạt động và sản phẩm phát sinh trong quá trình soạn thảo: xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tờ trình, dự thảo văn bản; báo cáo đánh giá tác động chính sách; bản so sánh, thuyết minh; báo cáo đánh giá thủ tục hành chính, phân cấp, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; truyền thông chính sách, dự thảo văn bản; tổ chức họp, lấy ý kiến; tổng hợp, tiếp thu, giải trình; xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; hoàn thiện hồ sơ, dự thảo và các tài liệu có liên quan theo quy định.	84.000.000	56.000.000	40.000.000	24.000.000	5.400.000	6.300.000

STT	Danh mục nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm	Mức khoán chi (Đơn vị tính: Đồng)					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã
B	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO (Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định là đơn vị xây dựng dự toán và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí). Nhóm nhiệm vụ này gồm một số nhiệm vụ, hoạt động như sau: tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ thẩm định; văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thẩm định trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định; nghiên cứu hồ sơ, dự thảo văn bản và các tài liệu có liên quan; tổ chức tự thẩm định, thành lập hội đồng thẩm định, tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản; chuẩn bị giấy mời, chương trình, tài liệu phục vụ hội đồng thẩm định, cuộc họp thẩm định hoặc văn bản lấy ý kiến thẩm định; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học nếu có; biên bản họp hội đồng thẩm định hoặc biên bản cuộc họp thẩm định; tổng hợp ý kiến thẩm định; báo cáo thẩm định; thẩm định lại trong trường hợp dự thảo chưa đủ điều kiện trình theo quy định; các tài liệu khác trực tiếp phục vụ nhiệm vụ thẩm định nếu có.	12.600.000	8.400.000	6.000.000	3.600.000	1.000.000	1.000.000

STT	Danh mục nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm	Mức khoán chi (Đơn vị tính: Đồng)					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã
C	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN (Cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành văn bản là đơn vị xây dựng dự toán và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí). Nhóm nhiệm vụ này gồm một số nhiệm vụ, hoạt động như sau: tiếp nhận, kiểm tra, rà soát thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử lý, thể thức, kỹ thuật trình bày của hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hoặc tổng hợp danh mục dự thảo văn bản; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, văn bản lấy ý kiến, phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp; chuẩn bị nội dung phục vụ phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu gửi xin ý kiến cơ quan Đảng; rà soát hồ sơ sau thẩm định, sau khi họp hoặc lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, sau khi có ý kiến của cơ quan Đảng; báo cáo giải trình ý kiến thẩm tra các Ban của HĐND (đối với dự thảo Nghị quyết).	8.400.000	5.600.000	4.000.000	2.400.000	600.000	700.000

STT	Danh mục nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm	Mức khoán chi (Đơn vị tính: Đồng)					
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã
D	NHIỆM VỤ THẨM TRA, THÔNG QUA (Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ trình HĐND thông qua là đơn vị xây dựng dự toán và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí). Nhóm nhiệm vụ này gồm một số nhiệm vụ, hoạt động như sau: tiếp nhận, kiểm tra, rà soát hồ sơ; văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; tham mưu phân công Ban của HĐND chủ trì thẩm tra, Ban của HĐND phối hợp thẩm tra; nghiên cứu hồ sơ; xây dựng kế hoạch, giấy mời hoặc lấy ý kiến phục vụ thẩm tra; ý kiến tham gia thẩm tra bằng văn bản của Ban của HĐND, đại biểu HĐND, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nếu có; biên bản, kết luận phiên họp thẩm tra hoặc hội nghị thẩm tra; báo cáo thẩm tra của Ban của HĐND; báo cáo phối hợp thẩm tra của các Ban của HĐND nếu có; văn bản, kết luận, ý kiến lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực HĐND trong quá trình chuẩn bị thẩm tra, trình HĐND xem xét, thông qua; tham mưu nội dung, tài liệu phục vụ thảo luận, biểu quyết tại kỳ họp HĐND; hoàn thiện nghị quyết sau khi HĐND thông qua; trình ký chứng thực, ban hành nghị quyết; đăng tải, gửi, lưu trữ nghị quyết và hồ sơ kỳ họp theo quy định	45.000.000	30.000.000			3.000.000	
	TỔNG CỘNG	150.000.000	100.000.000	50.000.000	30.000.000	10.000.000	8.000.000